

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HS-ST  
Ngày 14-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Thường

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Bà Trần Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐST - HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Võ Xuân C**, sinh năm 1989 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 4, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân B, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Dương Ngọc K, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1958; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 20/2010/HSST ngày 28/6/2010 Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Văn N 07 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

**3. Vũ Ngọc D**, sinh năm 1977 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 3, ấp 3, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc N (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1945; bị cáo có vợ là Trương Thị Thu T, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Phạm Minh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 9, L2, xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phạm Quốc Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 9, L2, xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Đinh Thị Thuỳ L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp S 2, xã S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Xuân C và anh Phạm Minh T có mối quan hệ quen biết, ngày 06/5/2019 C đã cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, cam kết ngày 06/4/2020 anh T phải thanh toán đủ số nợ trên cho C. Tuy nhiên anh T đã vi phạm thoả thuận thanh toán nợ cho C.

Khoảng 19 giờ ngày 22/11/2020, C cùng Vũ Ngọc D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Hùng A, Khấu Văn T (T2) gặp nhau tại quán cà phê “90” thuộc phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. C nói cho cả nhóm biết là anh Phạm Minh T đã vay tiền của C nhưng mới trả cho C được 3.000.000 đồng sau đó tránh mặt không trả mà còn có thái độ không đúng với C. C được biết hiện anh T đang đi lễ tại Nhà thờ Xuân Ngọc nên C nhờ cả nhóm tìm đánh, gây áp lực buộc anh T phải trả tiền cho C. Khi được C rủ thì cả nhóm đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi C nhìn thấy anh T đi xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 282.77 cùng chị Đinh Thị Thuỳ L đi ra từ Nhà thờ thì C, Ngọc D, Văn N, Hùng A, Văn T chặn xe anh T lại, yêu cầu anh T ra bên cạnh cổng Nhà thờ. Lúc này, C, Ngọc D, Văn N, Hùng A, Văn T đứng vây quanh anh T để gây áp lực. Khi C vừa hỏi anh T chuyện vay tiền không trả, lại còn trốn tránh và đe dọa thì Văn N xông vào dùng tay đánh 4 – 5 cái vào vùng đầu, mặt, lưng anh T làm anh T hoảng loạn, ôm mặt né tránh. C bảo Văn N thôi không đánh anh T nữa để C nói chuyện. Anh T nói do dịch bệnh Covid – 19 bị thất nghiệp nên chưa có tiền trả và xin gọi điện thoại cho người thân trợ giúp thì C đồng ý, nhưng người nhà của anh T cũng không có tiền.

C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 282.77 của anh T nên đã yêu cầu anh T phải viết giấy bán xe cho C. Anh T không đồng ý vì xe là của anh trai tên Phạm Quốc Đ. C biết vậy nhưng vẫn lấy

giấy, bút, mực lẫn tay mang theo sẵn rồi nhờ Vũ Ngọc D viết giúp Giấy bán xe theo mẫu, có nội dung anh T đồng ý bán chiếc xe trên cho C với giá 7.000.000 đồng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi viết xong, C yêu cầu anh T ký tên và điểm chỉ vào giấy bán xe nhưng anh T không chịu ký thì Văn N xông vào dùng tay tát vào mặt anh T. Trong lúc bị nhóm của C bao vây, khống chế, đánh đập, anh T thấy không thể kháng cự được nên T buộc phải ký tên và điểm chỉ vào giấy bán xe theo yêu cầu của C. Sau đó, C lấy luôn thẻ Căn cước công dân số 077094000539 của anh T rồi nhờ Văn N điều khiển xe mô tô biển số 72F1 – 282.77 về nhà C cất giữ, sau đó ai về nhà nấy.

Ngày 23/11/2020, anh T đến Công an phường D trình báo sự việc. Công an phường D đã làm việc với C và thu giữ chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 282.77, thẻ căn cước công dân của anh T, giấy vay tiền, giấy mua bán xe rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ để điều tra theo quy định pháp luật.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 219/KL ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã Phú Mỹ xác định chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 282.77 đã qua sử dụng, tính đến ngày 22/11/2020 giá trị còn lại là 9.450.500 đồng.

- Vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 282.77 là tài sản của anh Phạm Quốc Đ (anh trai của anh Phạm Minh T), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho anh Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ ngày 05/01/2021.

Đối với thẻ căn cước C dân số 077094000539 của anh Phạm Minh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã trả lại cho anh T theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Phạm Minh T yêu cầu bị cáo Võ Xuân C bồi thường số tiền 3.000.000 đồng tổn thất về tinh thần. Gia đình bị cáo C đã bồi thường số tiền này cho anh T. Anh T đã nhận tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự cho bị cáo C.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn Hùng A, Khâu Văn T (T2) do hiện nay đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không khai báo, lời khai trong hồ sơ chưa rõ ràng nên chưa có đủ cơ sở để khởi tố 02 đối tượng trên trong vụ án này. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án số 04/QĐ ngày 07/4/2022 và đang tiếp tục điều tra về hành vi và vai trò của 02 đối tượng trên. Khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Tại phiên Tòa Đ diện Viện kiểm sát phát biểu luận tội: Trên cơ sở những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng số 35/CT – VKS ngày 12/4/2022 của VKSND thị xã Phú Mỹ truy tố Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ N D, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Xuân C từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D: mỗi bị cáo từ 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về vật chứng: đã xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Minh T đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Ngọc D nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án đã được trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, điều tra bổ sung và truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 22/11/2020 tại khu vực công giáo xứ Xuân Ngọc thuộc khu phố T, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D đã có hành vi, dùng thủ đoạn ép anh Phạm Minh T trả nợ cho C 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) bằng cách đe dọa, ép buộc anh Phạm Minh T phải ký giấy bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F1 – 292.77 - Xe có giá trị 9.450.500 đồng (Là tài sản của anh Phạm Quốc Đ cho anh T mượn để sử dụng), cho C để cản trở nợ.

Do đó, hành vi trên của Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3]. Về tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, câu kết, phân công vai trò cụ thể. Do vậy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo N, D cùng C gặp anh T để đe dọa, tạo áp lực yêu cầu anh T trả nợ cho C. Đồng thời C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T để cản trở nợ, do đó trong vụ án này bị cáo C tham gia với vai trò là người rủ rê và người thực hiện chính.

Bị cáo N khi được bị cáo C rủ gây áp lực đối với anh T để đòi nợ cho C thì đã tích cực tham gia, N còn nhiều lần đánh vào cơ thể anh T làm anh T hoảng sợ, do đó trong vụ án này N tham gia với vai trò đồng phạm tích cực giúp sức cho C để cưỡng đoạt tài sản của anh T.

Đối với bị cáo D khi được bị cáo C rủ gây áp lực đối với anh T để đòi nợ cho C thì đã đồng ý tham gia, tuy không gây áp lực, đe dọa anh T nhưng khi được C nhờ viết giấy bán xe, bị cáo D đã viết giúp. Do đó, hành vi trên của bị cáo D đã đồng phạm cùng với bị cáo C cưỡng đoạt tài sản của anh T.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo C, N, D không có tình tiết tăng nặng.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo C, N, D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét. Đối với bị cáo C đã bồi thường cho anh T số tiền 3.000.000 đồng tổn thất tinh thần và được anh T làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cần áp dụng điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét.

[4.3]. Về nhân thân: Bị cáo C, D có nhân thân tốt. Bị cáo N có nhân thân xấu.

[5]. Về mức hình phạt:

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương.

Các bị cáo C, N, D đều là C dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội tới cùng.

Đối với bị cáo C khi anh T cố tình không thanh toán số nợ đã vay thì C đã khởi xướng việc đe dọa, gây áp lực và cưỡng đoạt xe của anh T nhằm mục đích yêu cầu anh T để cản trở nợ. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo N đã tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể N đã nhiều lần dùng tay chân đánh vào cơ thể anh T, nên đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo D tuy không đánh, đe dọa anh T, nhưng khi được C nhờ viết giấy bán xe thì D đã đồng ý viết giúp, nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Minh T đã nhận tiền bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng), không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản";

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Võ Xuân C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2020.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2021.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Ngọc D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2021.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xong.

5. Về trách nhiệm dân sự: Đã xong.

6. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn N, Vũ Ngọc D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn).

7. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- C an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Xuân Thường**



